

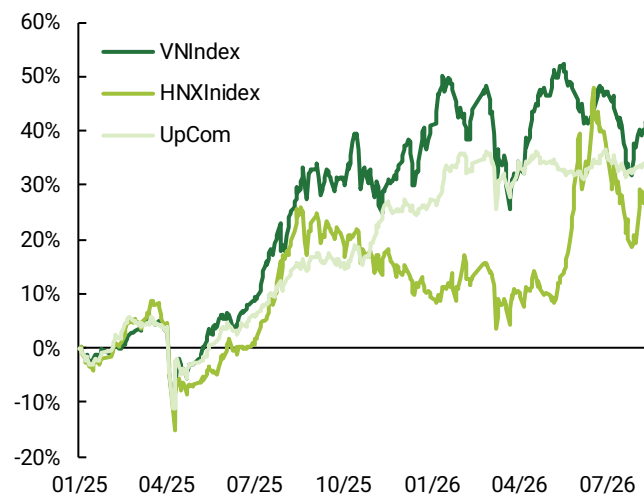
VN-Index **1765.63 (-1.54%)**
 823 Tr. cổ phiếu 18737.7 Tỷ VND (32.35%)

HNX-Index **283.34 (-1.77%)**
 58 Tr. cổ phiếu 1030.7 Tỷ VND (45.38%)

UPCOM-Index **128.06 (0.43%)**
 25 Tr. cổ phiếu 357.7 Tỷ VND (-16.51%)

VN30F1M **1901.10 (-2.01%)**
 220,290 HD OI: 33,220 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2025 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1765.6, giảm -27.6 điểm (-1.54%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Đà giảm cũng ghi nhận ở VN30; HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Sắc đỏ chi phối trở lại khi chỉ số thất bại trong nỗ lực bứt phá mốc tâm lý 1800 điểm. Nhóm vốn hóa lớn, dẫn đầu là Vin gây sức ép nhiều nhất lên chỉ số.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Thực phẩm và đồ uống: MSN (+0.6%), VHC (+1.9%), SBT (+6.5%) | Hóa chất: PHR (+0.9%), GVR (+1.2%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: VIC (-3.5%), VRE (-3.3%), TCH (-3.3%) | Ngân hàng: EIB (-3.9%), ACB (-2.4%), HDB (-1.8%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (-5.1%), VSC (-3.4%), GEX (-2.9%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: GAS (-2.6%), POW (-1.8%), REE (-1.2%) | Dịch vụ tài chính: FTS (-2.9%), VIX (-2.8%), VDS (-2.5%)
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | GVR, BCM, TCB, SBT, MCH - Chiều giảm | VIC, VHM, GAS, HPG, ACB.
- Khối ngoại Bán ròng hơn 500 tỷ đồng, tập trung nhiều ở TCB, VHM, VIC, trong khi mua ròng GEX, LPB, SSI.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Engulfing giảm ngay khi tiếp cận mốc tâm lý 1800 điểm, cho thấy nỗ lực bứt phá chưa thành công và đà tăng có dấu hiệu chững lại. Áp lực bán cũng chiếm ưu thế trên diện rộng. Dù vậy, diễn biến một phiên chưa làm thay đổi ngay cấu trúc hồi phục. Với kịch bản cơ sở, chỉ số khả năng quay lại củng cố thêm nền giá quanh vùng 1750–1780 điểm. Ở chiều tích cực, nếu chỉ số sớm lấy lại mốc 1780 điểm, phiên giảm hôm nay có thể xem như nhịp rũ bỏ và mục tiêu vượt 1800 điểm vẫn được giữ. Ngược lại, việc đánh mất ngưỡng 1740 điểm sẽ là tín hiệu xác nhận nhịp điều chỉnh trở lại, và đà giảm có thể mở rộng về vùng 1700 điểm.
- Đối với HNX-Index**, chỉ số hạ nhiệt trở lại và có xu hướng củng cố nền giá quanh 280 - 290. Vận động đang bị chi phối bởi biến động mạnh ở mã THD, KSV. Rủi ro điều chỉnh hiện hữu nếu các cổ phiếu này mất đà.
- Chiến lược:** Diễn biến hiện tại khiến chiến lược chuyển sang trạng thái thận trọng hơn. Với danh mục hiện hữu, tạm dừng các vị thế mua mới và ưu tiên theo dõi phản ứng của thị trường tại vùng 1750–1780 điểm. Chỉ cân nhắc mở thêm vị thế khi chỉ số vượt và xác nhận vững trên mốc 1800 điểm. Bên cạnh đó, ưu tiên quản trị tỷ trọng và chủ động bảo vệ thành quả tại các vị thế đã có lãi.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Chốt lời SSI - Mua DGW (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	% Thay đổi				% Biến động giá trị giao dịch so với				% Biến động khối lượng giao dịch so với			
	Giá đóng cửa	(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,765.6 ▼	-1.5%	0.0%	-1.9%	18,737.7 ▲	32.4%	22.3%	-14.2%	823.4 ▲	29.7%	41.3%	-3.3%
HNX-Index	283.3 ▼	-1.8%	-3.2%	-2.9%	1,030.7 ▲	45.4%	-4.7%	-42.1%	58.1 ▲	53.4%	-11.6%	-40.3%
UPCOM-Index	128.1 ▬	0.4%	1.0%	1.2%	357.7 ▼	-16.5%	-14.7%	-27.1%	24.6 ▼	-7.0%	-1.7%	-31.3%
VN30	1,909.2 ▼	-1.4%	0.3%	-1.6%	10,572.7 ▲	41.7%	19.3%	-12.9%	313.0 ▲	37.1%	25.6%	-20.4%
VNMID	1,930.6 ▼	-1.1%	0.7%	-3.6%	6,855.1 ▲	33.2%	25.0%	-5.6%	352.5 ▲	35.4%	28.3%	-1.6%
VNSML	1,260.3 ▼	-0.6%	0.8%	-3.4%	922.0 ▼	-9.7%	60.6%	13.4%	73.6 ▲	2.2%	61.5%	6.2%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	631.4 ▼	-0.8%	1.89%	-0.2%	5,732.1 ▲	52.8%	15.6%	2.6%	261.5 ▲	44.7%	14.8%	4.8%
Bất động sản	939.5 ▼	-2.9%	-4.3%	-3.9%	3,231.9 ▲	4.9%	6.6%	-5.1%	112.4 ▲	4.5%	9.1%	-2.0%
Dịch vụ tài chính	288.2 ▼	-1.7%	0.4%	-4.2%	3,059.3 ▲	82.0%	24.0%	18.3%	161.1 ▲	81.2%	26.0%	16.5%
Công nghiệp	237.2 ▼	-1.8%	3.1%	-1.7%	1,265.6 ▲	26.1%	15.0%	19.9%	45.5 ▲	25.3%	13.1%	10.6%
Tài nguyên cơ bản	480.0 ▼	-1.7%	-0.5%	-2.7%	721.0 ▲	51.9%	35.7%	-1.1%	37.6 ▲	43.9%	32.1%	-3.3%
Xây dựng - Vật Liệu	159.0 ▼	-1.2%	1.0%	-1.2%	515.6 ▼	-5.9%	0.9%	-5.0%	29.6 ▼	-12.1%	0.2%	-9.3%
Thực phẩm	493.1 ▬	0.3%	2.5%	4.1%	1,121.1 ▲	27.1%	-3.0%	-3.4%	26.1 ▼	-1.9%	-7.5%	-6.3%
Bán Lẻ	1,480.7 ▼	-0.2%	6.9%	8.0%	863.0 ▲	17.2%	1.5%	18.7%	14.0 ▲	26.9%	17.0%	29.7%
Công nghệ	375.2 ▼	-2.2%	-2.1%	-2.4%	598.3 ▲	95.5%	36.6%	-7.2%	9.1 ▲	91.4%	34.0%	-20.4%
Hóa chất	168.8 ▬	0.5%	10.9%	6.0%	358.9 ▲	26.3%	-2.3%	15.7%	13.3 ▲	19.8%	-9.5%	7.9%
Tiện ích	736.9 ▼	-1.9%	6.3%	2.7%	308.1 ▼	-23.4%	-27.6%	-17.5%	14.3 ▼	-28.6%	-20.6%	-17.7%
Dầu khí	106.4 ▼	-0.9%	6.4%	3.7%	380.9 ▼	-2.5%	-31.74%	-18.9%	14.0 ▼	-8.3%	-34.0%	-27.8%
Dược phẩm	394.0 ▬	0.2%	0.1%	0.0%	31.8 ▼	-74.8%	-67.6%	-54.2%	1.1 ▼	-68.0%	-69.1%	-55.6%
Bảo hiểm	103.0 ▼	-1.7%	3.5%	11.3%	31.5 ▲	16.5%	-24.8%	-5.2%	0.7 ▲	35.5%	-10.5%	-9.0%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,765.6 ▼	-1.54%	-1.1%	13.6x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,614 ▬	0.11%	28.2%	16.8x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,302 ▼	-1.13%	-27.1%	13.9x	1.7x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,859 ▼	-0.47%	4.5%	16.0x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,288 ▼	-1.23%	3.9%	9.7x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,927 ▼	-0.50%	-1.1%	19.7x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,397 ▼	-0.17%	-0.9%	13.2x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	68,309 ▲	1.16%	35.7%	22.0x	3.0x
S&P 500	Mỹ	7,749 ▬	0.26%	13.2%	28.5x	5.9x
Dow Jones	Mỹ	53,770 ▼	-0.04%	11.9%	25.0x	6.3x
FTSE 100	Anh	10,805 ▼	-0.26%	8.8%	15.0x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,572 ▬	0.58%	13.5%	17.8x	2.6x
DXV		99.9 ▬	0.06%	1.6%		
USDVND		26,065 ▼	-0.230%	-0.9%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

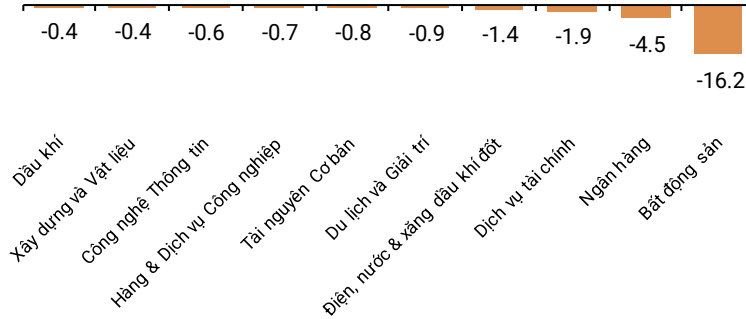
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-1.70%	5.0%	43.7%	33.3%
Dầu WTI	▼	-1.77%	4.7%	42.5%	30.6%
Khí gas	▼	-0.8%	-4.0%	-24.6%	-1.7%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-8.2%	17.4%	21.6%
Thép HRC (*)	▼	-0.1%	-1.6%	-0.8%	-7.6%
PVC (*)	▼	-0.1%	0.7%	-0.2%	-10.5%
Phân Urea (*)	▬	0.0%	-2.1%	-1.8%	-20.4%
Cao su thiên nhiên	▼	-0.4%	3.2%	23.0%	30.6%
Bông Cotton	▼	-2.1%	2.1%	26.8%	22.7%
Đường	▬	0.2%	11.5%	9.6%	-2.4%
World Container Index	▬	0.0%	-7.4%	94.2%	77.3%
Baltic Dirty tanker Index	▬	0.3%	29.7%	102.5%	162.6%
Vàng	▼	-0.49%	9.6%	1.6%	30.7%
Bạc	▼	-0.69%	12.5%	-9.5%	68.5%

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



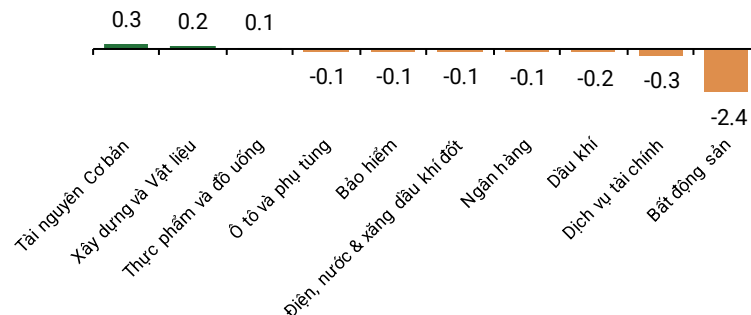
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

+0.10 (HVN)	-0.57 (FPT)
+0.10 (DGW)	-0.58 (VPB)
+0.12 (GMD)	-0.61 (BID)
+0.12 (MSN)	-0.63 (MBB)
+0.19 (CRV)	-0.66 (VCK)
+0.19 (MCH)	-0.66 (ACB)
+0.26 (SBT)	-0.70 (HPG)
+0.29 (TCB)	-1.05 (GAS)
+0.32 (BCM)	-3.42 (VHM)
+0.33 (GVR)	-12.28 (VIC)

TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

+22 (PNJ)	-42 (VCK)
+24 (HDB)	-42 (MBB)
+31 (VNM)	-49 (VRE)
+32 (DGW)	-55 (FPT)
+45 (CTG)	-60 (SHB)
+47 (BSR)	-93 (ACB)
+78 (VIX)	-107 (HPG)
+98 (SSI)	-127 (VIC)
+98 (LPB)	-160 (VHM)
+118 (GEX)	-170 (TCB)

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

+0.01 (SGH)	-0.05 (SHS)
+0.02 (TNG)	-0.06 (HUT)
+0.03 (BCF)	-0.08 (DTK)
+0.03 (SJ1)	-0.14 (BAB)
+0.04 (BTW)	-0.14 (CEO)
+0.04 (VIF)	-0.18 (PVS)
+0.07 (HHC)	-0.22 (PVI)
+0.12 (PTI)	-0.24 (MBS)
+0.32 (KSV)	-0.48 (KSF)
+0.37 (NTP)	-1.68 (THD)

TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

+0.0 (PDB)	-0.2 (DHT)
+0.0 (HLD)	-0.2 (PMC)
+0.0 (DXP)	-0.3 (PVB)
+0.0 (IVS)	-0.5 (VC3)
+0.0 (SLS)	-0.6 (CEO)
+0.0 (MBS)	-0.9 (C69)
+0.1 (IPA)	-1.0 (NTP)
+0.6 (TNG)	-2.2 (HUT)
+7.7 (SHS)	-4.4 (MST)
+11.6 (IDC)	-5.1 (PVS)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VIC	TCB	VIX	SHB	SSI
%DoD	-3.5%	0.6%	-2.8%	-0.4%	-1.2%
Giá trị	1,175	1,080	781	709	707

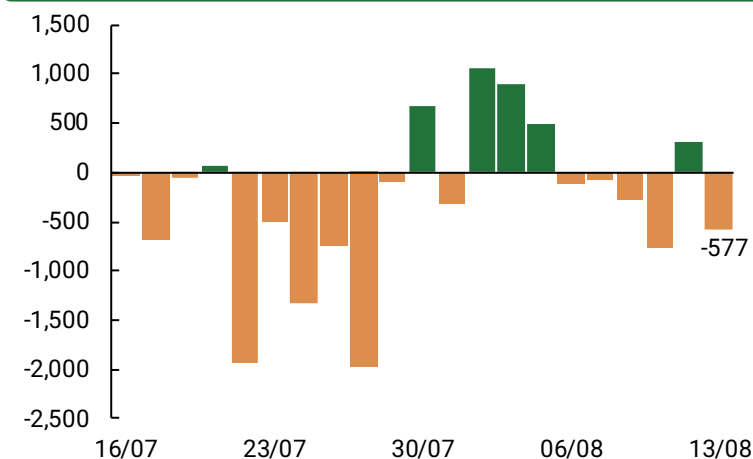
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	MSB	MWG	SSI	VIX	VAB
%DoD	0.6%	-0.5%	-1.2%	-2.8%	-1.5%
Giá trị	554	236	204	157	91

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



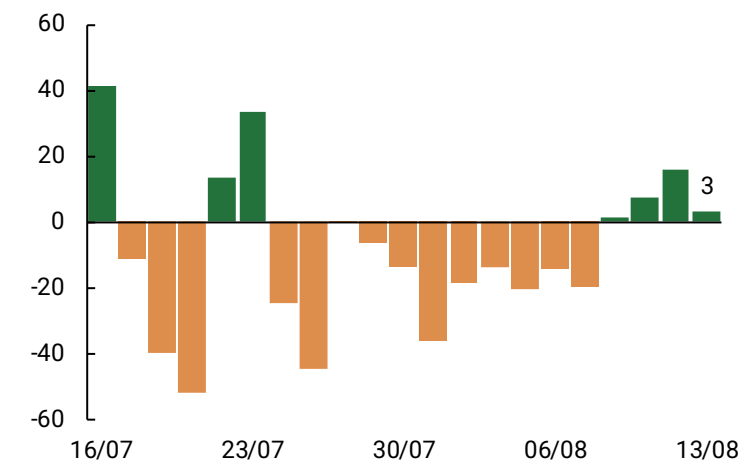
	SHS	MBS	CEO	PVS	MST
%DoD	-0.6%	-2.1%	-3.3%	-1.7%	-1.9%
Giá trị	255	110	74	63	61

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	PMC	KSF	VGP	SHS	PPT
%DoD	0.0%	-1.1%	0.7%	-0.6%	0.7%
Giá trị	88	62	15	13	1

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Engulfing giảm, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1660 | 1730.
- ✓ Kháng cự: 1800 | 1850.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.

Kịch bản: Chỉ số thất bại trong nỗ lực bứt phá mốc 1800 điểm. Nếu vận động sớm quay lại trên ngưỡng 1780 điểm, cấu trúc hồi phục vẫn được giữ vững. Ngược lại, dấu hiệu thoái lui dưới ngưỡng 1740 điểm sẽ xác nhận cho nhịp điều chỉnh trở lại, và sóng hồi có khả năng vi phạm. Khi đó, đà giảm có thể tìm về khu vực 1680 – 1700.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Engulfing giảm, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1800 | 1880.
- ✓ Kháng cự: 1940 | 1980.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.

Kịch bản: Nỗ lực bứt phá chưa thành công, trạng thái tiếp tục nghiêng về giảm quanh khu vực 1910 - 1940 nhằm tích lũy thêm động lượng. Dù vậy, với việc xuất hiện nến giảm lớn, lực cung đang cho thấy sự chi phối hơn. Chỉ số có thể nhận được lực đỡ từ khu vực hỗ trợ 1900 điểm. Tuy nhiên, nếu vận động lùi về dưới ngưỡng 1880 điểm sẽ xác nhận cấu trúc hồi phục vi phạm và xu hướng điều chỉnh khả năng trở lại.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	SSI	TAKE PROFIT	Current price	25.0		P/E (x)	11.6
Exchange	HOSE		Action price	23.9 - 24.3		P/B (x)	1.6
Sector	Investment Services		Take profit price (14/8)	25 - 25.5	5.0%	EPS	2153.0
						ROE	13.9%
						Stock Rating	A
						Scale Market Cap	Large



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá đảo chiều tại cản MA50 ngày, với mẫu hình nến Shooting Star.
 - Thanh khoản tăng cho thấy lực cung chủ động.
 - Chỉ báo MACD, RSI hạ nhiệt nhưng chưa đánh mất đà đi lên.
- ➔ Xu hướng có thể chưa điều chỉnh ngay do các chỉ báo động lượng chưa suy yếu đáng kể, khả năng còn rung lắc. Tuy nhiên, đà tăng đã có dấu hiệu chững lại.
- ➔ Khuyến nghị Chốt lời, có thể tận dụng nhịp phục hồi.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	DGW	BUY	Current price		43.15	P/E (x)	14.8
Exchange	HOSE		Action price	13/08	40.5 - 41.5	P/B (x)	2.6
Sector	Specialty Retailers		Target price		45	EPS	2914.4
			Cut loss		38.5	ROE	19.2%
						Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá vượt thuyết phục MA200 ngày với mẫu hình nến Marubozu.
 - Thanh khoản tăng cho thấy lực mua chủ động.
 - Chỉ báo MACD duy trì trên đường signal và cải thiện về miền dương, cùng với RSI trở lại vận động trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
- ➔ Xu hướng phục hồi được củng cố và có thể tiếp tục quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	SSI	Chốt lời	14/08/2026	25	25 - 25.5	5.0%	26.5	10.0%	22.9	-5.0%	
1	DGW	Mua	13/08/2026	43.15	40.5 - 41.5	-	45	9.8%	38.5	-6.1%	Cập nhật trên Elite Picks

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MCH	Mua	30/07/2026	-	136.9	135 - 136	1.0%	150	10.7%	129	-4.8%	
2	VCB	Mua	07/08/2026	-	59.5	58.5 - 59	1.3%	65	10.6%	55.5	-5.5%	
3	HDB	Mua	10/08/2026	-	26.7	26.2 - 26.6	1.1%	28.6	8.3%	25.4	-3.8%	
4	MSR	Mua	10/08/2026	-	39.6	38.5 - 39.5	1.6%	44	12.8%	36.5	-6.4%	
5	CTR	Mua	11/08/2026	-	76.8	74.6 - 75.6	2.4%	83	10.7%	71.5	-4.7%	
6	BSR	Mua	12/08/2026	-	26.5	25.8 - 26.2	1.9%	29	11.5%	24.5	-5.8%	
7	SAB	Mua	12/08/2026	-	45.9	45.4 - 45.8	0.5%	50	9.6%	43.5	-4.6%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1901, giảm 38.9 điểm (-2.0%). Giá giao dịch khởi sắc trong phiên sáng nhưng áp lực điều chỉnh đã chiếm ưu thế hoàn toàn trong phiên chiều.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD cắt xuống trở lại đường signal, cùng RSI cũng giảm về dưới ngưỡng trung bình, hàm ý áp lực điều chỉnh chi phối. Dù vậy, giá đóng cửa với “gap giảm” lớn, nên vận động có thể phục hồi kỹ thuật để cân bằng lại dao động quanh vùng 1905 – 1910 điểm. Vị thế Short nên chờ khi giá phục hồi và suy yếu dưới ngưỡng 1905, hoặc có thể cân nhắc nếu giá đánh mất ngưỡng 1899. Vị thế Long cân nhắc khi giá trở lại vận động trên ngưỡng 1915.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1825.1, giảm 30 điểm (-1.6%). Độ lệch basis 0.6 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 35 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1820 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1840 điểm.

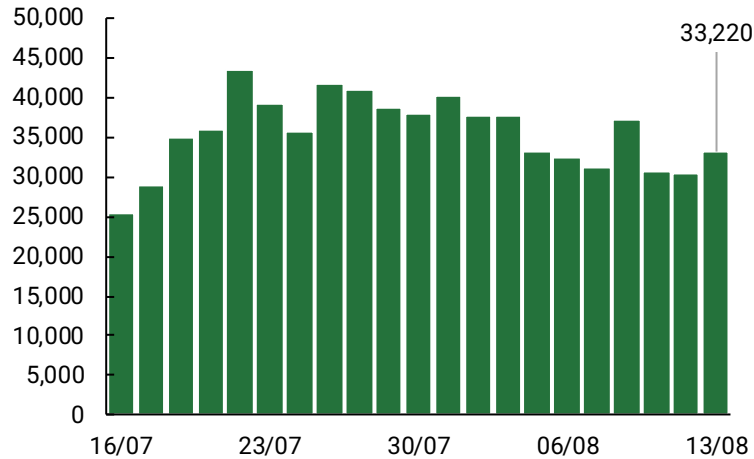
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1915	1928	1907	13 : 8
Short	< 1905	1890	1914	15 : 9
Short	< 1899	1885	1906	14 : 7

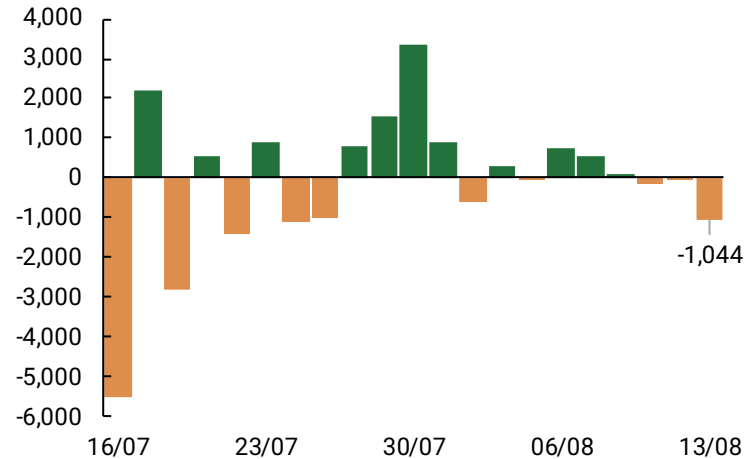
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
411H3000	1,907.9	-26.2	46	219	1,926.4	-18.5	18/03/2027	217
411GC000	1,903.0	-33.0	57	836	1,919.2	-16.2	17/12/2026	126
411G9000	1,905.3	-32.7	792	3,343	1,912.0	-6.7	17/09/2026	35
411G8000	1,901.1	-38.9	220,290	33,220	1,909.8	-8.7	20/08/2026	7
4112G8000	1,825.1	-30.0	35	48	1,825.0	0.1	20/08/2026	7

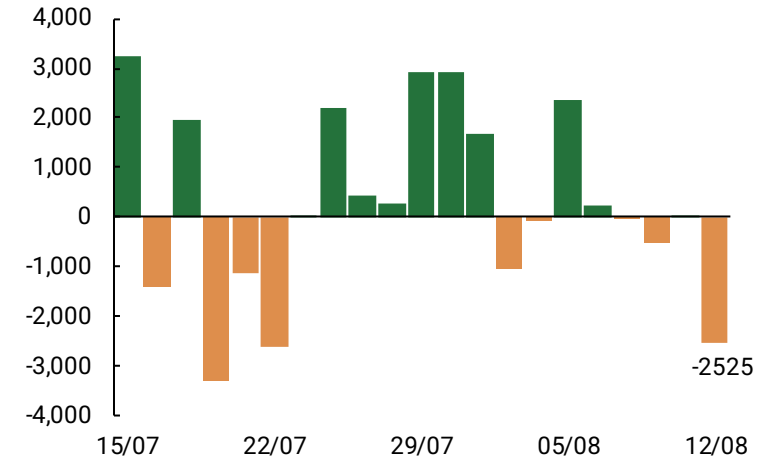
Khối lượng mở (Open interest)



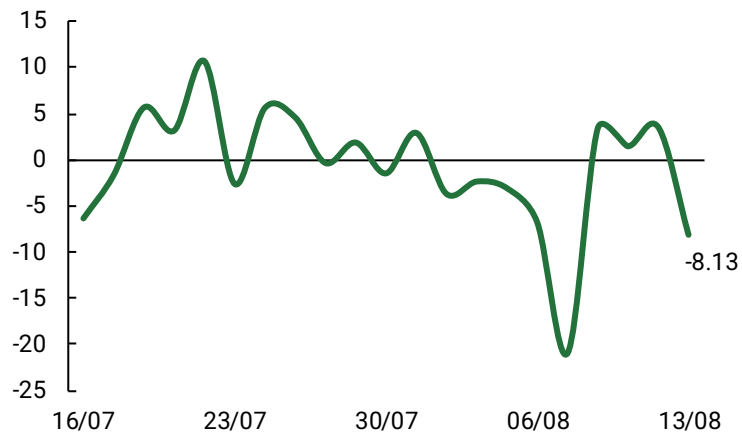
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



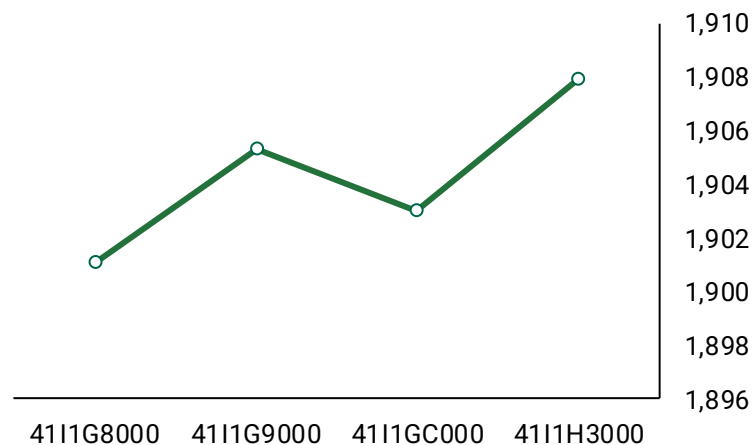
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



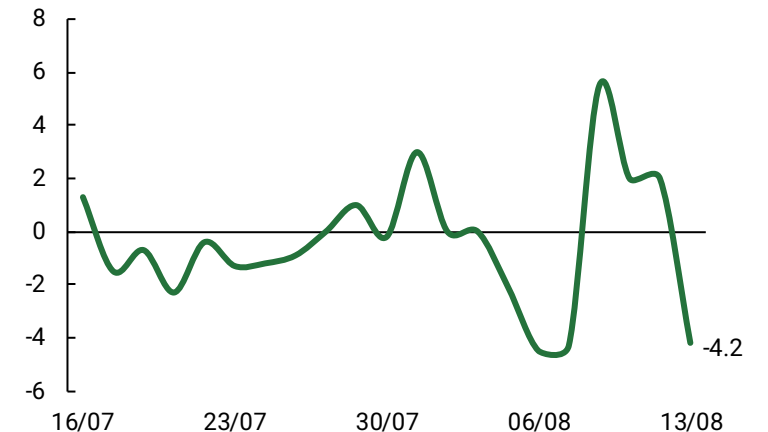
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



THÔNG TIN VĨ MÔ

Nhà đầu tư nước ngoài mua gần 3.8 tỷ USD để chuyển lợi nhuận về nước: Theo báo cáo của NHNN chuẩn bị cho cuộc họp với Thủ tướng, tỷ giá và thị trường ngoại tệ thời gian qua chịu tác động từ biến động quốc tế, nhu cầu nhập khẩu trong nước và nhu cầu rút vốn, chuyển lợi nhuận về nước của nhà đầu tư nước ngoài. Lượng USD nhà đầu tư nước ngoài mua từ hệ thống tổ chức tín dụng tăng dần qua các năm, từ 3.66 tỷ USD năm 2024 lên 4.7 tỷ USD năm 2025. Trong quý I/2026, lượng mua đạt 1.6 tỷ USD và trong 7 tháng đầu năm đạt 3.77 tỷ USD.

Thủ tướng làm việc với NHNN và hệ thống tổ chức tín dụng: Sáng 13/8, Thủ tướng Lê Minh Hưng làm việc với NHNN và các tổ chức tín dụng. Nội dung buổi làm việc tập trung vào tình hình lãi suất, tín dụng, tỷ giá và an toàn hoạt động của hệ thống ngân hàng. Trước đó, NHNN đã yêu cầu các ngân hàng thương mại chuẩn bị báo cáo về tình hình hoạt động, khó khăn, vướng mắc và các đề xuất liên quan đến điều hành tín dụng, mặt bằng lãi suất, thị trường ngoại hối và an toàn hệ thống.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

MSCI - Nhóm ngân hàng áp đảo trong kỳ cập nhật chỉ số cổ phiếu Việt Nam: MSCI cập nhật danh mục cổ phiếu Việt Nam trong kỳ cơ cấu mới, với nhóm ngân hàng tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn. Một số mã ngân hàng như ACB, SSB và MSB được bổ sung, trong khi CEO, DGW và HDG bị loại khỏi danh mục. Thay đổi này có thể tác động đến dòng tiền từ các quỹ tham chiếu chỉ số trong ngắn hạn.

PDR - Hoàn tất thanh toán gần 7,700 tỷ đồng tại Lotte Properties HCMC: Phát Đạt hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ thanh toán với tổng giá trị 7,666 tỷ đồng, qua đó nhận chuyển nhượng 35% phần vốn góp tại Công ty TNHH Lotte Properties HCMC. Sau giao dịch, PDR chính thức tham gia phát triển dự án Lotte Eco Smart City Thu Thiem tại Khu đô thị mới Thủ Thiêm. Theo cấu trúc hợp tác, PDR tham gia đồng phát triển phần nhà ở tại các khối 2-2, 2-4 và 2-6, đồng thời phát triển hai khối cao ốc thương mại 2-1 và 2-3.

FRT - Long Châu ra mắt mảng xét nghiệm y khoa: FPT Long Châu chính thức ra mắt hệ thống Xét nghiệm Long Châu từ đầu tháng 8/2026, cung cấp dịch vụ xét nghiệm y khoa ứng dụng công nghệ theo tiêu chuẩn quốc tế. Trong quý II/2026, FRT ghi nhận doanh thu thuần 15,626 tỷ đồng, tăng 37% YoY; LNST đạt 451 tỷ đồng, tăng 187%. Lũy kế 6 tháng, doanh thu hợp nhất đạt 30,743 tỷ đồng, tăng 33%, trong đó Long Châu tiếp tục là động lực chính với 2,639 nhà thuốc và 236 trung tâm tiêm chủng cuối quý II.

MZG - Muốn phát hành cổ phiếu huy động 300 tỷ đồng: Miza thông qua phương án chào bán 30 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10,000 đồng/cp, tỷ lệ thực hiện quyền 4.272:1. Tổng số tiền huy động dự kiến 300 tỷ đồng sẽ được dùng để góp vốn vào Công ty TNHH Miza Nghi Sơn nhằm đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh. Nếu phát hành thành công, vốn điều lệ của MZG sẽ tăng từ 1,282 tỷ đồng lên 1,582 tỷ đồng.

FT1 - Sắp chia cổ tức tiền mặt 4,407 đồng/cp: Phụ tùng máy số 1 thông báo chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 44.07%, tương ứng 4,407 đồng/cp. Với gần 7.08 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp dự kiến chi khoảng 31.2 tỷ đồng cho đợt cổ tức này. Năm 2025, FT1 ghi nhận doanh thu 939 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 62 tỷ đồng và EPS đạt 8,813 đồng/cp; tuy nhiên thanh khoản cổ phiếu ở mức thấp do cơ cấu cổ đông cô đặc.

- 03/08 Mỹ, Trung Quốc, EU – Chỉ số PMI
Việt Nam – Chỉ số PMI,
Danh mục VN30, VN100 có hiệu lực,
Báo cáo kinh tế – xã hội tháng 7/2026
- 07/08 Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi
nông nghiệp
- 09/08 Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 11/08 Úc – RBA họp và công bố lãi suất
- 12/08 Mỹ – Chỉ số CPI
- 13/08 Việt Nam – MSCI công bố danh mục
Mỹ – Chỉ số PPI
- 14/08 Việt Nam – Hạn BCTC Q2/2026 soát xét
- 17/08 Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp,
Doanh số bán lẻ
- 20/08 Mỹ – Biên bản cuộc họp FOMC
Việt Nam – Đáo hạn HĐTL
- 26/08 Mỹ – Chỉ số PCE, ước tính GDP
- 27 – 29/08 Mỹ - Hội nghị kinh tế Jackson Hole

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	45,500	73,400	61.3%	Mua
CTG	32,150	40,700	26.6%	Mua
CTD	62,300	82,900	33.1%	Mua
DBD	49,350	68,000	37.8%	Mua
DDV	18,590	35,900	93.1%	Mua
DGW	43,150	47,500	10.1%	Tăng tỷ trọng
DPG	30,600	42,300	38.2%	Mua
DPR	36,200	46,500	28.5%	Mua
DRI	13,576	17,200	26.7%	Mua
EVF	12,700	14,400	13.4%	Tăng tỷ trọng
FRT	146,900	151,000	2.8%	Nắm giữ
GMD	78,500	88,900	13.2%	Tăng tỷ trọng
HAH	45,800	58,300	27.3%	Mua
HDG	16,300	30,900	89.6%	Mua
HHV	10,150	11,700	15.3%	Tăng tỷ trọng
HPG	21,700	34,200	57.6%	Mua
IMP	37,650	54,400	44.5%	Mua
KDH	17,750	38,800	118.6%	Mua
MCH	136,900	175,200	28.0%	Mua
MWG	73,600	115,600	57.1%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	20,150	27,500	36.5%	Mua
NLG	22,500	39,400	75.1%	Mua
NT2	21,550	27,700	28.5%	Mua
PHR	59,000	72,800	23.4%	Mua
PNJ	35,300	75,500	113.9%	Mua
PVS	35,000	39,900	14.0%	Tăng tỷ trọng
PVT	20,000	26,000	30.0%	Mua
POW	13,500	15,000	11.1%	Tăng tỷ trọng
SAB	45,850	54,900	19.7%	Tăng tỷ trọng
SSI	25,000	31,200	24.8%	Mua
TLG	53,500	50,000	-6.5%	Giảm tỷ trọng
TCB	31,700	41,700	31.5%	Mua
TCM	16,600	35,300	112.7%	Mua
TRC	82,800	91,800	10.9%	Tăng tỷ trọng
VCB	59,500	79,700	33.9%	Mua
VPB	25,350	36,500	44.0%	Mua
VCG	15,800	23,300	47.5%	Mua
VHC	54,100	58,000	7.2%	Nắm giữ
VNM	61,600	66,650	8.2%	Nắm giữ

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801